



DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.145

VẬN DỤNG HỌC THUYẾT “CHÍNH DANH” TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngô Hải Sơn^{1*} và Đoàn Thị Mỹ Tú²

¹Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Cần Thơ

²Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Ngô Hải Sơn (email: ngohaison1301@gmail.com)

ABSTRACT

Building a socialist rule of law state in Vietnam is a major policy of the Communist Party of Vietnam and has been carried out continuously since the VII Congress of the Communist Party of Vietnam until now. The main mission is to build a socialist rule of law state and a clean and strong political system in all aspects, requiring the Communist Party of Vietnam and the Government to consider the influence of philosophical ideas and rational application to build a socialist rule of law state successfully. Therefore, attention to the doctrine of “legitimacy” is necessary.

TÓM TẮT

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, được thực hiện liên tục và nhất quán từ Đại hội Đảng toàn quốc khóa VII đến khóa XIII. Với nhiệm vụ trọng tâm “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh”, phấn đấu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải xem xét toàn diện ảnh hưởng của những tư tưởng, học thuyết chính trị xã hội trong lịch sử nói chung và Nho giáo nói riêng, qua đó vận dụng hợp lý để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong đó, học thuyết “chính danh” cần có sự quan tâm nhất định.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/10/2022

Ngày nhận bài sửa: 01/12/2022

Ngày duyệt đăng: 26/12/2022

Title:

Application doctrine of “Legitimacy” in construction of the social right state in Vietnam today

Từ khóa:

Đạo đức, học thuyết chính danh, Khổng Tử, Nhà nước pháp quyền, xã hội chủ nghĩa

Keywords:

Confucius, legitimacy, morality, socialist republic

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết nhằm làm rõ một số nội dung cốt lõi của học thuyết “Chính danh”; phân tích sự ảnh hưởng của học thuyết này đối với đời sống xã hội hiện nay trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Việt Nam. Sau khi xem xét các yếu tố tích cực và hạn chế của học thuyết, một số giải pháp chủ yếu được đề xuất để vận dụng hiệu quả những ảnh hưởng tích cực của học thuyết “chính danh” trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

1.2. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: Nội dung xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một vấn đề rất rộng, đa dạng và phức tạp. Do vậy, giới hạn của bài viết là trong phạm vi hẹp về tư tưởng, giá trị của học thuyết “chính danh” trong mối tương quan đến việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, góp phần hoàn thiện hơn một số nội dung đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu: bài viết dựa trên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và các văn kiện Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt

Nam trong sạch, vững mạnh. Trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của quan điểm duy vật biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử, nhóm tác giả sẽ phân tích - tổng hợp, so sánh các tài liệu, đối chiếu, đánh giá sự ảnh hưởng, mối tương quan của học thuyết “chính danh” trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

2. GIỚI THIỆU VÀI NÉT CƠ BẢN VỀ HỌC THUYẾT CHÍNH DANH

Nho giáo được truyền vào nước ta từ những năm Bắc thuộc, trong tiến trình lịch sử dân tộc, vai trò của Nho giáo có ảnh hưởng đặc biệt to lớn đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống, là nguồn chất liệu tạo nên các giá trị truyền thống ở nước ta trong hàng ngàn năm qua. Trong Nho giáo, học thuyết chính danh là một trong những học thuyết có tầm ảnh hưởng khá sâu rộng trong đời sống xã hội. Với chủ trương làm cho xã hội có trật tự, Khổng Tử (sinh năm 551, mất năm 479 trước công nguyên, là người đề xướng tư tưởng Nho gia vào khoảng thế kỷ thứ VI trước công nguyên, dưới thời Xuân Thu) cho rằng trước hết là thực hiện “chính danh”. “Chính danh có nghĩa là một vật trong thực tại cần phải cho phù hợp với cái danh nó mang” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2004, tr.53). Nói cách khác, mỗi sự vật phải được gọi đúng tên của nó, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình, ai ở vị trí nào, danh phận nào thì giữ đúng vị trí và danh phận đó, không nhầm lẫn với vị trí của người khác. Trong sách Luận ngữ có câu: “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” được hiểu là vua làm hết đạo vua, bề tôi hết đạo bề tôi, cha hết đạo cha, con hết đạo con (Lê, 2002, tr.89).

Chính danh là yếu tố chính yếu để hoàn thiện nhân cách của người quân tử, Khổng Tử đối đáp với Tử Lộ:

Người quân tử có điều gì không biết thì không nói bậy, nếu danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì sự việc không thành; sự việc không thành thì lễ nhạc, chế độ không kiến lập được; lễ nhạc, chế độ không kiến lập được thì hình phạt không trúng; hình phạt không trúng thì dân đâu biết đặt tay chân vào đâu. Cho nên người quân tử đã dùng cái danh gì thì tất nói ra được; đã nói điều gì tất phải làm được. Đối với lời nói, người quân tử không thể cầu thả được (Lê, 2002, tr.93).

Trong tư tưởng Nho gia có 05 mối quan hệ chính trong xã hội, được gọi là Ngũ luân, bao gồm: Quân - Thân (vua - tôi), Phụ - Tử (cha - con), Phu - Phụ (vợ - chồng), Huynh - Đệ (anh - em), Bằng - Hữu (bạn bè). Trong các mối quan hệ này, mỗi người đều phải hành xử đúng với cái danh của mình đang

mang. Vua phải có uy thế của vua, phải có tài đức cho dân kính trọng. Bề tôi thì phải làm tròn trách nhiệm trung với vua, một lòng tôn kính (quân xử thần tử, thần bất tử bất trung). Cha thì phải ra cha, hành xử đúng mực để con cái noi theo. Con thì phải làm tròn chữ hiếu, vâng lời cha mẹ, phụng dưỡng chu toàn (phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu)... Những nguyên tắc này có giá trị để thiết lập một trật tự xã hội từ trên xuống dưới, từ phạm vi quốc gia cho đến từng cá nhân trong xã hội. Từ những “thân phận” đó, mỗi người phải biết cái danh của mình đang mang để mà cư xử cho phù hợp với lễ nghĩa, tôn ti. Có như thế thì xã hội sẽ bình an, không loạn lạc.

Theo Khổng Tử, “thiên hạ” bị rối loạn là do trong xã hội đã mất đi “tôn ti”, trật tự kỷ cương đã không còn. Nếu mỗi người, mỗi đẳng cấp thực hiện đúng danh phận của mình thì xã hội sẽ có chính danh - xã hội có chính danh là xã hội có kỷ cương, đất nước được thái bình thịnh trị. Do vậy, học thuyết chính danh căn bản để an bình xã hội, phục vụ cho việc trị quốc, an dân.

Chính danh bao gồm danh và phận. Theo đó, danh (tên gọi, chức vụ, thứ bậc, địa vị) và phận (nghĩa vụ, quyền hạn) phải phù hợp để có chính danh, ngược lại sẽ thành loạn danh. Danh và phận của một người do xã hội quy định. Thực hiện chính danh sẽ góp phần hoàn thiện đạo đức của một con người, làm cho mỗi cá nhân sống có trách nhiệm hơn, tùy vào những hoàn cảnh cụ thể phải thực hiện đúng với cái danh mà mình đang mang; phải thể hiện đúng bản tính của mình, mỗi cái “danh” đều bao hàm thái độ, trách nhiệm, bổn phận để thực hiện bản tính vốn có của nó. Bổn phận của một công dân là phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, được phép làm những gì pháp luật không cấm; còn bổn phận của một nhân viên Nhà nước là phải thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, chỉ được phép làm những gì pháp luật cho phép.

Xét trong bình diện xã hội, mỗi cá nhân - với cái “danh” cụ thể, phải có nghĩa vụ thực hiện đúng với trách nhiệm và bổn phận của mình, phù hợp với cái danh mà mình đang mang. Mọi người phải tuân theo quy ước của xã hội, quy định của pháp luật mà thực hiện đúng với vị trí, vai trò của mình, không lẫn lộn, không tùy nghi thì sẽ tiến bộ, xã hội có kỷ cương. Do vậy, thuyết chính danh cũng góp phần làm rõ hơn vai trò của từng người, từng vị trí trong xã hội; hướng con người đến sự chính trực, lòng trung thành, sự tôn kính cần thiết trong các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận rằng “chính danh” không có nghĩa là mù quáng, tuân theo

mệnh lệnh của người có “cái danh” lớn hơn mình mà bất chấp đúng sai. Chấp hành mệnh lệnh, nhưng mệnh lệnh đó phải đúng theo quy định của pháp luật; cá nhân ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các hậu quả pháp lý của nó.

Ngoài những giá trị tích cực như đã trình bày ở trên, học thuyết chính danh của Khổng Tử cũng còn những hạn chế nhất định, có thể thấy ở một vài điểm sau đây:

Một là, Khổng Tử quá đề cao vai trò “đạo đức” trong việc duy trì sự ổn định của xã hội. Ông quan niệm, mọi nguồn gốc của sự nổi loạn trong xã hội đều khởi phát từ việc không giữ được đạo đức, do vậy để giữ kỷ cương, trật tự xã hội, mọi cá nhân phải hành xử theo đúng cái danh của mình, một người không thực hành đúng theo bốn phạm chính là một người “vô đạo”. Do vậy, người làm con trong quan hệ với cha mẹ biết chăm sóc, phụng sự... là theo đúng đạo làm con, có được đức hiếu; người làm bề tôi trong quan hệ với vua, đem hết sức mình làm theo ý vua, biết trung thành, tận tụy với vua là theo đúng đạo làm bề tôi, có được đức trung... từ chỗ “tuyệt đối hóa” đạo đức nên việc đánh giá con người cũng cảm tính, chưa được toàn diện bởi lẽ cũng giống như các hình thái ý thức xã hội khác, đạo đức cũng phải chịu sự quy định của tồn tại xã hội.

Hai là, học thuyết chính danh còn bảo thủ, chưa quan tâm đến vấn đề kinh tế và thân phận con người, chưa thấy được nguyên nhân dẫn đến chiến tranh, nhân dân “nổi loạn” chống lại triều đình là do lợi ích kinh tế bị ảnh hưởng chứ không phải do việc “thực hành” chính danh bị sao lãng. Học thuyết chính danh xuất hiện thời Xuân Thu - Chiến Quốc - một giai đoạn mà đời sống nhân dân vô cùng cơ cực, loạn lạc do các cuộc chiến tranh giữa các nước diễn ra liên tục nhằm tranh giành lợi ích về kinh tế, quân sự. Song song đó, “mô hình quản lý nhà nước lúc này đã thay đổi, xã hội bắt đầu xuất hiện nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp, nên việc tham gia quản lý xã hội không nhất thiết chỉ dành cho giai cấp quý tộc như trước đây” (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, tr.39).

Ba là, học thuyết chính danh còn phân biệt đẳng cấp, phân diện trong việc xác định thân phận, vị trí của từng người trong xã hội, ràng buộc con người trong “tôn ti”. Dễ hình thành tâm lý “phục tùng” giả tạo, hoặc chủ nghĩa cá nhân quá trớn dẫn đến sự phân biệt đối xử trong các mối quan hệ xã hội. Do vậy, khi nghiên cứu và áp dụng phải dựa trên quan điểm toàn diện, căn cứ vào thực tiễn để tránh những giáo điều, mắc phải những sai lầm.

3. SỰ CẦN THIẾT VẬN DỤNG HỌC THUYẾT CHÍNH DANH TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nhà nước pháp quyền luôn là một vấn đề quan trọng, được nhiều quốc gia tiến bộ trên thế giới quan tâm, hướng đến nhằm xây dựng và tổ chức quyền lực trên cơ sở pháp luật. Nhà nước pháp quyền “không phải là kiểu nhà nước mà là một mô hình nhà nước, mà ở đó, bên cạnh những đặc điểm chung nó còn những đặc điểm riêng” (Quý & Viễn, 2008, tr.151). Pháp quyền là “Hệ thống pháp luật tiêu biểu cho quyền lực của một nhà nước, một chế độ” (Ý, 1999, tr.1320). Về giá trị tư tưởng thì “Nhà nước pháp quyền được hình thành trước hết với tính cách là một triết lý, một lý thuyết về việc xác lập đúng đắn mối quan hệ giữa quyền lực (nhà nước) với con người, với xã hội thông qua sự đánh giá vai trò và tính chất của pháp luật” (Úc, 2022). Khái quát hơn, có thể xác định “Nhà nước pháp quyền là hình thức tổ chức nhà nước coi pháp luật là công cụ cơ bản nhất, tối cao nhất trong việc tổ chức và quản lý xã hội nhằm thực hiện quyền lực của nhân dân” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, tr.330)

Điều 2 Hiến pháp năm 2013 hiến định: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” (Quốc hội, 2014). Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng xác định chiến lược đột phá để phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 là phải “xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền XHCN tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021c). Có thể khẳng định, xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta là một nhu cầu tất yếu, tiên bộ của lịch sử, thể hiện tính ưu việt của chế độ. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đảm bảo pháp luật luôn đặt ở vị trí cao nhất, mọi thành phần trong xã hội đều bình đẳng, ứng xử trên cơ sở thượng tôn pháp luật. Để đạt được mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền, thực tiễn yêu cầu toàn hệ thống chính trị cần phải nỗ lực, phát huy trách nhiệm nhiều hơn; quan tâm, xem xét tất cả các yếu tố ảnh hưởng (tích cực và hạn chế) của những giá trị tư tưởng, học thuyết chính trị trong lịch sử một cách toàn diện để có những kinh nghiệm, giải pháp vận dụng linh hoạt, áp dụng phù hợp trong việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.

Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đó là: Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở hiến pháp và pháp luật. Pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng trong việc tổ chức và quản lý xã hội, chi phối tất cả các mặt của đời sống xã hội, mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội phải chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, thống nhất. Nhà nước tôn trọng và đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Công dân được quyền kiểm soát, giám sát các hoạt động của nhà nước. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thực hiện nhiệm vụ theo đúng vị trí việc làm được phân công...

Học thuyết chính danh, với những tư tưởng về xây dựng một xã hội ổn định, có trật tự, con người sống có đạo đức, tinh thần trách nhiệm... nếu được tiếp thu, sử dụng phù hợp sẽ rất có giá trị trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay, cụ thể:

Một là, học thuyết chính danh góp phần xây dựng và giáo dục con người có trách nhiệm trong một xã hội pháp quyền.

Như đã trình bày ở trên, chủ trương của Nho giáo nói chung và học thuyết chính danh nói riêng đều mong muốn làm cho xã hội có trật tự kỷ cương. Để tạo ra một Nhà nước pháp quyền thì trước hết đòi hỏi, con người trong xã hội đó phải là một con người có trách nhiệm. Trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; tôn trọng và tuân thủ pháp luật là trách nhiệm tiên quyết của mọi công dân trong một Nhà nước pháp quyền.

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, song pháp luật cũng không phải là công cụ vạn năng, bởi thực tiễn đời sống luôn vận động và phát triển không ngừng trong khi pháp luật lại bị giới hạn trong phạm vi điều chỉnh nhất định. Trong thực tiễn, ngoài pháp luật, con người cũng chịu sự điều chỉnh, chi phối rất lớn từ các quy phạm về tôn giáo, đạo đức, tập quán,... Do đó, việc con người dựa theo nội dung của thuyết chính danh để “tự điều chỉnh hành vi”, ứng xử phù hợp với cái danh của mình trong các mối quan hệ xã hội mà pháp luật chưa có sự điều chỉnh là một hành động tích cực, góp phần tạo nên một hành vi “văn hóa” trong giao tiếp cộng đồng, ràng buộc từ gia đình đến xã hội. Mọi người sẽ sống có trách nhiệm hơn, tuân thủ pháp luật trong từng mối quan hệ cụ thể. Bất cứ cá nhân nào có thái độ sống vô trách nhiệm, vô cảm, vô lễ, vô luân... đều sẽ bị cộng đồng lên án và được điều chỉnh bằng đạo đức.

Trong những năm gần đây, sự phát triển kinh tế đã làm thay đổi nhiều mặt của đời sống xã hội, nhất là vấn đề đạo đức của con người. Văn hóa ứng xử trong các mối quan hệ từ gia đình, đến nhà trường, xã hội có chiều xuống cấp. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII chỉ rõ: “Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại... Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng...” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, 2016). Trong gia đình, những truyền thống về nề nếp, kỷ cương kính trên nhường dưới, tôn ti trật tự bị phá vỡ; trong lao động, giao tiếp và quan hệ xã hội, những hành vi lệch chuẩn vẫn còn phổ biến. Nhiều cá nhân không xác định đúng vai trò, vị trí của bản thân dẫn đến tự cao/tự ti, thái độ và tinh thần hợp tác không tương xứng với cái danh mà họ đang mang... từ đó dễ dẫn đến những mâu thuẫn, triệt tiêu sự phát triển. Đặc biệt, sự thiếu chuẩn mực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi họ không hành động đúng với cái danh, có những hành vi hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, tham ô tài sản với giá trị cực lớn đã tác động rất tiêu cực đến sự phát triển của đất nước. Do vậy, để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam cần thiết phải quan tâm và vận dụng hợp lý học thuyết chính danh để góp phần giáo dục con người sống có đạo đức, tinh thần trách nhiệm để xây dựng một cộng đồng có trật tự, kỷ cương, tạo ra một xã hội ổn định và phát triển.

Hai là, học thuyết chính danh góp phần hoàn thiện pháp luật để xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Để trở thành một nhà nước của dân, do dân, vì dân thì trước hết, nhà nước đó phải do nhân dân lựa chọn, phải chính danh. Có chính danh thì mới trọng dân, mới được nhân dân tin tưởng mà trao quyền lực quản lý nhà nước. Sự chính danh của Nhà nước ta được hiến định tại Điều 2 Hiến pháp 2013 “Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” (Quốc hội, 2014).

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người làm chủ của một đất nước chính là nhân dân, chính quyền phải tận tụy, phục vụ lợi ích của nhân dân: “Chính phủ ta là chính phủ dân chủ, chỉ một lòng một dạ phục vụ lợi ích của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011a, tr.491).

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, các cơ quan nhà nước và người dân phải sống và làm việc theo pháp luật. Theo đó, trước hết đòi hỏi pháp

luật phải thật sự hoàn thiện, điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội mới phát sinh, những giá trị tích cực của học thuyết chính danh là nền tảng cơ sở thực tiễn vững chắc để “luật hóa”, tạo ra những tiêu chuẩn ứng xử chung cho cộng đồng. Sự kết hợp hài hòa giữa “đạo đức” và “pháp luật” sẽ giúp cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh. Theo đó, các cơ quan nhà nước phải làm đúng, làm đủ trách nhiệm theo đúng “cái danh” chức năng được giao; người thi hành công vụ, thay mặt nhà nước áp dụng pháp luật thực hiện theo “cái danh” chức phận của mình; mọi người phải “sống và làm việc theo pháp luật”.

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đang được xây dựng, đó là một nhà nước tiên bộ, văn minh. Việc quản lý, điều hành xã hội đều phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Do đó, những giá trị, ảnh hưởng tích cực về đạo đức và pháp luật trong học thuyết chính danh cần được nghiên cứu, tiếp thu và phát huy để xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật - Nhà nước pháp quyền, phù hợp với những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

Ba là, học thuyết chính danh góp phần giáo dục và xây dựng lực lượng công chức, viên chức nhà nước có đạo đức và tinh thần trách nhiệm tương xứng với từng vị trí việc làm.

Như đã phân tích, “chính danh” nghĩa là phải làm đúng với chức trách, danh phận của mình. Một nhân viên nhà nước cần mẫn, có phẩm chất tốt sẽ làm tròn nhiệm vụ được giao, khi ấy họ đã thực hiện được chính danh ngay trong vị trí việc làm của mình.

Hiểu theo nghĩa này, từ cá nhân lãnh đạo cao nhất của đất nước đến mọi người dân đều phải nói, làm đúng với chức vụ, danh phận của mình. Trong xã hội phong kiến, vua phải ra vua, bề tôi phải ra bề tôi; trong một Nhà nước pháp quyền, mọi người đều phải hành xử theo pháp luật. Tất cả thành viên trong xã hội đều có danh phận nhất định và phải làm tròn trách nhiệm đúng với danh phận đã mang. Có như vậy thì xã hội mới ổn định, có trật tự, kỷ cương thì đất nước mới phát triển thịnh vượng.

Thực tiễn cho thấy học thuyết chính danh luôn có những giá trị tích cực nhất định trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011b, tr.611-612). Để làm theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người cán bộ, công chức phải làm hết trách nhiệm

của mình, phải là “đầy tớ” của nhân dân để phụng sự, tức là phải chính danh. Phải tự tôi luyện để tránh xa cám dỗ vật chất tầm thường, loại bỏ bệnh “háo danh”, phải biết tự trọng và làm việc theo đúng chức phận của mình.

Trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030, Đảng ta đã xác định việc “xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân” là đột phá chiến lược, “xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại, dựa trên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp”. Đồng thời “giữ vững kỷ luật, kỷ cương”, lấy tiêu chí “có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo”, “có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng” để đề bạt, bổ nhiệm cán bộ “dựa trên cơ chế cạnh tranh và tuyển dụng” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021c). Chủ động loại bỏ những cá nhân tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền ra khỏi bộ máy nhà nước.

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, những yếu tố tích cực của học thuyết chính danh cần phải được ghi nhận, tham khảo, vận dụng hợp lý để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay. Theo đó, cần quan tâm và tập trung vào vấn đề giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để họ làm đúng chức trách của mình trên tinh thần “chính danh”. Đề không là “hư danh”, trước hết tự thân mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm hết chức phận của mình để trở thành “người đầy tớ trung thành của nhân dân”. Những cá nhân không có năng lực, ngồi “nhảm” vị trí, cửa quyền, hách dịch, tiêu cực,... chắc chắn không thể chính danh, không thể được người dân coi trọng, cần phải loại bỏ để làm trong sạch bộ máy, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG VẬN DỤNG HỌC THUYẾT CHÍNH DANH ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh”, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 sẽ “hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì

nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021b). Để góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh theo tinh thần của Nghị quyết đề ra, trên cơ sở những giá trị của học thuyết chính danh, một số giải pháp thực hiện được đề xuất như sau:

Một là, “chính danh” trong xác định chức năng, nhiệm vụ của từng cấp cơ quan quản lý nhà nước: tiếp tục xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ tối đa lợi ích của người dân; đảm bảo sự thống nhất quản lý của Trung ương, nhưng cũng cần có cơ chế phân cấp quản lý hợp lý, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, không để xảy ra chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa từng bộ, ngành và địa phương. Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng xác định nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển là “phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021a) trong phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Hai là, “chính danh” trong thực hiện quyền con người, quyền công dân: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người, quyền công dân; đảm bảo việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội và Nhà nước, tạo mọi điều kiện cho công dân thực hiện được các quyền của mình theo hiến định; mối quan hệ giữa công dân và Nhà nước phải được xác định chặt chẽ theo quy định của pháp luật và mang tính bình đẳng. Người dân “phải thật sự” được phép làm những gì pháp luật không cấm, công chức/cơ quan nhà nước chỉ được phép làm những gì mà pháp luật có quy định, có như vậy thì kỷ luật, kỷ cương mới đảm bảo và được tăng cường.

Ba là, “chính danh” trong thực hiện nhiệm vụ được phân công: tiếp tục hoàn thiện đề án vị trí việc làm - đây hiện đang là một đề án lớn của Chính phủ nhằm rà soát lại tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức, xác định từng vị trí việc làm gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan/tổ chức, “chính danh” - “đúng việc” trong vị trí việc làm sẽ khắc phục được tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nhân lực như hiện nay; đồng thời cần “luật hóa” tất cả các chức vụ, chức danh nghề nghiệp trong toàn hệ thống chính trị trên nguyên tắc: “minh bạch”, “người nào việc nấy”, hạn chế và dần dần loại bỏ hoàn toàn tư tưởng “quyền anh, quyền tôi”, đùn đẩy công việc, né tránh, thoái thác trách nhiệm trong thi hành

nhiệm vụ ở những cơ quan nhà nước và cá nhân có thẩm quyền. Mặc dù vấn đề này đã được nhận diện và chỉ rõ là một trong những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng, thế nhưng cho đến nay, nó vẫn tồn tại và chưa giải quyết triệt để. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về vấn đề này vô cùng cấp thiết.

Bốn là, “chính danh” trong hoạt động giám sát của Nhân dân đối với cơ quan Nhà nước: Điều 8 Hiến pháp 2013 hiến định: “Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân” (Quốc hội, 2014). Giám sát của Nhân dân được hiểu là việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá của người dân bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện của mình để thực hiện quyền này theo hiến định, giúp cho các tổ chức/cá nhân có thẩm quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Hiện nay, tuy có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về nội dung giám sát của Nhân dân như: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Phòng, chống tham nhũng, ... tuy nhiên, thể chế pháp lý đảm bảo quyền giám sát trực tiếp của Nhân dân đối với các hoạt động của cơ quan Nhà nước/ cá nhân có thẩm quyền vẫn còn chưa đầy đủ, chưa có Luật về hoạt động giám sát của Nhân dân hay một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về thẩm quyền, thủ tục, trình tự thực hiện bảo đảm hiệu quả quyền giám sát của Nhân dân. Do vậy, rất cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về vấn đề này nhằm tăng cường biên độ giám sát của Nhân dân (trực tiếp và thông qua cơ quan/tổ chức đại diện) đối với các hoạt động quản lý hành chính của Chính phủ, góp phần “xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước” (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021b).

5. KẾT LUẬN

Trong lịch sử dân tộc, học thuyết chính danh từng được ông cha ta vận dụng rất uyển chuyển để tập hợp nhân dân, giải nguy cho dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, điển hình như: Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lam Sơn, khởi nghĩa Tây Sơn, Cách Mạng Tháng Tám, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Do nhân dân ta tiến hành cuộc chiến đấu chính nghĩa, nên cuối cùng, dù kẻ thù có mạnh cỡ nào, chúng có nham hiểm đến đâu đi chăng nữa thì chúng ta cũng giành được thắng lợi chung cuộc, buộc kẻ thù phải chấp

nhận sự thất bại trước ý chí và chính nghĩa của dân tộc ta.

Ngày nay, học thuyết chính danh vẫn còn giá trị trong việc tạo nên nhân cách, đạo đức tốt đẹp ở mỗi con người. Đề nghiên cứu và vận dụng học thuyết chính danh vào xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay, yếu tố cơ bản nhất vẫn là phát huy những yếu tố tích cực của học thuyết này trong việc giáo dục con người trong thời đại mới, mà ở đó con người sống có trách nhiệm với bản thân, với gia đình và cả cộng đồng; có hoài bão xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh và luôn hành động theo đúng bổn phận của mình.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần XIII đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam trong thời gian tới, đó là: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc”; “đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội”(Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, 2021b).

Bên cạnh đó, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan

trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân (Đại hội Đảng lần thứ XIII, 2021c).

Con người mà chúng ta xây dựng là con người chính trị và đạo đức; mỗi cá nhân trong xã hội đều thượng tôn pháp luật, dù ở bất cứ cương vị nào cũng đều có lòng tự trọng, sống và làm việc theo đúng vị trí xã hội phân công.

Tóm lại, trong bất kỳ xã hội nào, nền tảng đạo đức cũng luôn được xem trọng và là yếu tố quyết định đến sự ổn định và trật tự của xã hội. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam muốn hoàn thiện thì tất yếu phải đặt trong sự tương quan giữa luật pháp với giá trị đạo đức trong xã hội. Khi ấy, những yếu tố tích cực của Nho giáo nói chung và học thuyết “chính danh” nói riêng như đã phân tích, sẽ có ý nghĩa như hạt nhân trong xây dựng nhân cách con người, hoàn thiện đức tính cần có để phù hợp với một xã hội thượng tôn pháp luật - Một Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang hướng đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2004). *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Triết học*. Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
- Đại học Quốc gia Hà Nội. (2013). *Giáo trình triết học*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-sự thật.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2011a), *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12* (lần thứ 3). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Sự thật.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2011b), *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15* (lần thứ 3). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia-Sự thật.
- Lê, N.H. (2002). *Luận ngữ*. Nhà xuất bản Văn học.
- Quốc hội. (2014). *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Quý, N. D., & Viễn, N.T. (2008). *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - Lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Ý, N.N. (1999). *Đại từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Úc, Đ.T. (2022). Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - những giá trị, đặc trưng phổ biến và tính đặc thù. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*. <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211009>
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. (2016). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. (2021a). “*Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*”. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-danh-gia-ket-qua-thuc-hien-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-5-nam-2016-2020-va-phuong-huong-3737>
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. (2021b). “*Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*”. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/ngphi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-3663>
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. (2021c). “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*”. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>